**BÀI 4:**

**TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ**

**NÓI VÀ NGHE**

(Trình bày ý kiên về một vân đề xã hội - ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống)

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Với tư cách người nói: Biết cách trình bày ý kiến về một vân đề xã hội - ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống sao cho lan tỏa được tới người nghe, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Với tư cách người nghe: Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tôn trọng người nói; ghi nhận những suy nghĩ của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

***2. Về năng lực:***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác .

- Biết trình bày ý kiến, cảm nhận của bản thân về một vân đề xã hội - ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống.

***3. Về phẩm chất:***

- Biết ơn, yêu đời, yêu cuộc sống.

- Có lối sống tích cực

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Giấy A4.

- Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh.

- Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm.

- Bài giới thiệu một vân đề xã hội - ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống dưới các hình thức

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú học tập cho học sinh.

- Kích thích học sinh tìm hiểu thông điệp gợi ra từ video về các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

**b. Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video về thông điệp cuộc sống và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung là trình bày ý kiến về một vấn đề được gợi ra từ video.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video về “ một vân đề xã hội - ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống” và giao nhiệm vụ cho HS.

? Nội dung của đoạn video? Thông điệp mà đoạn video muốn truyền đạt đến chúng ta?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân.

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình bày ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống** | |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  *? Chuẩn bị nội dung một bài nói em cần chuẩn bị những gì? Các bước chuẩn bị?*   * *Xác định phạm vi trình bày (Ý nghĩa cùa tiếng cười nói chung hay tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể, ví dụ: tiếng cười trào phúng, tiếng cười tán thưởng, tiếng cười vui mừng,...).*   *? Dàn ý một bài nói gồm những phần nào?*  *?* Ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống*?*  + Tiếng cười đó nhằm tới đối tượng nào?  + Tiếng cười đó được biểu hiện như thế nào?  + Người tạo ra tiếng cười ấy muốn thể hiện điều gì?  + Đánh giá của em về ý nghĩa của tiếng cười đó?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Xác định mục đích nói và người nghe: *Trình bày ý kiến của em về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống để tìm sự chia sẻ, đồng tình của người nghe.*  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS tập nói trước nhóm/tổ. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY BÀI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng trình bày bài nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị trước.  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của đã chuẩn bị trước  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.  + Giới thiệu về tiếng cười nói chung (hoặc tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể.  + Lần lượt trình bày từng nội dung theo dàn ý đã chuẩn bị, kèm lí lẽ và bằng chứng minh hoạ. Chú ý chọn ví dụ minh hoạ thích hợp (từ sách báo, phim, tranh ảnh,...).  + Nêu ý kiến đánh giá về ý nghĩa của tiếng cười. Chú ý phản ứng của người nghe để tìm kiếm sự đồng thuận hoặc sẵn sàng đối thoại. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (Ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **SAU KHI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c) Sản phẩm:** Bài nói vànhận xét về HĐ nói của từng HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.  **Người nói và người nghe trao đổi về bài nói theo một sô' gợi ý sau:**  + Ý nghĩa của tiếng cười được đề cập trong bài nói có phù hợp với cuộc sống hiện nay không?  + Vấn đề được trình bày có ý nghĩa đối với những đối tượng cụ thể nào?  + Cách lập luận, dẫn dắt vấn đề, thái độ và khả năng tương tác với người nghe,... của người nói có thuyết phục không?  + Ý kiến trao đổi của người nghe có tác dụng làm rõ hơn hoặc bổ sung cho vấn dẻ người nói trình bày không? | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG - MỞ RỘNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

**Bài tập.** *Tiếng cười trào phúng nhằm giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, đả kích những cai chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa nhùng mục đích cao nhất của nó là hướng tới cuộc sống tốt đẹp hơn.*

Em hãy nêu những suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV .

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.